TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/HNGĐ– PT
Ngày: 31/7/2017
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Phạm Kim Của

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Ông Đoàn Văn Sơn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2017/TLPT- HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 về việc *" Xin ly hôn"*.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 18/2017/HNGĐ – ST ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 153/2017/QĐ – PT ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Huỳnh Minh H, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: 125, ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị Xuân D, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: 116B, khu phố 2, phường 5, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: bà Nguyễn Thị B – Hội viên Hội luật gia Việt Nam tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Ngô Thị A, sinh năm 1938 (có mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn ông Huỳnh Minh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Minh H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Xuân D thành hôn năm 2000, hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã B ngày 29 tháng 6 năm 2000. Sau khi thành hôn vợ chồng chung sống tại xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre. Đến tháng 03 năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn lý do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, đồng thời đã sống ly thân đến nay. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà D.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có hai con chung là cháu Huỳnh Thị Thảo N, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2001 và cháu Huỳnh Minh Đ, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2010. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Đ. Đối với cháu N có nguyện vọng sống với mẹ, ông đồng ý. Nếu bà D yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì ông đồng ý cấp dưỡng theo qui định của pháp luật.

Về tài sản chung:

Một chiếc xe Future neo biển kiểm sát 71B1-363.96, do ông H bị tai nạn giao thông đầu tháng 11 năm 2016, xe bị hư, hiện đang sữa chữa, giá trị còn lại của chiếc xe là 10 triệu đồng, ông yêu cầu nhận xe đồng ý hoàn lại cho bà D số tiền 5.000.000 đồng. Ngoài ra vợ chồng ông không có tài sản gì cả, vợ chồng ông không có trồng trọt trên thửa 38, tờ bản đồ số 01, diện tích 2643.2m^2 tọa lạc tại ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre. Phần đất và căn nhà tọa lạc tại số 125, ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre là tài sản của mẹ ông, do mẹ ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi vợ chồng về xã P sinh sống thì đã có căn nhà này. Đối với cây mai, cây ca cao có trồng nhưng đã bỏ hai năm nay nước mặn chết hết.

Giấy xác nhận của ông trưởng ấp là không khách quan vì trong thời gian mẹ ông sửa nhà, ông Nguyễn Văn M trưởng ấp chưa về công tác, đồng thời về sinh hoạt gia đình, vợ chồng nuôi con, ăn uống tiền bạc sinh hoạt riêng. Ông trưởng ấp không hiểu biết sinh hoạt của vợ chồng ông.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà đồng ý ly hôn với ông Huỳnh Minh H.

Về quan hệ con chung: bà có nguyện vọng được nuôi hai con chung là cháu Huỳnh Thị Thảo N, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2001 và cháu Huỳnh Minh Đ, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2010 và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung:

Bà yêu cầu được nhận chiếc xe Future neo biển kiểm soát 71B1-363.96 và bà có nghĩa vụ hoàn lại 50% giá trị chiếc xe là 5.000.000 đồng cho ông H.

Bà yêu cầu chia tài sản chung và công sức đóng góp của bà vào khối tài sản chung của gia đình chồng là 207.500.000 đồng.

Trong đó bao gồm:

+ Về xe gắn máy: một chiếc xe mô tô hiệu Future neo biển kiểm soát 71B1-363.96, trị giá 15.000.000 đồng, yêu cầu chia đôi, bà D nhận xe và hoàn lại cho ông H số tiền 7.500.000 đồng.

+Về căn nhà: yêu cầu chia công sức đóng góp hai lần sữa chữa nhà 50.000.000 đồng.

+ Về thửa vườn: 2500 cây mai, yêu cầu chia 50.000.000 đồng. Số cây trái yêu cầu chia công sức trồng trọt, chăm sóc, tôn tạo là 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà thay đổi yêu cầu chia tài sản chung và chia công sức đóng góp gồm:

+ Về xe gắn máy: một chiếc xe mô tô hiệu Future neo biển kiểm soát 71B1-363.96, yêu cầu chia đôi là 5.000.000 đồng, rút yêu cầu chia 2.500.000 đồng.

+ Công sức căn nhà: rút yêu cầu chia 50.000.000 đồng.

+ Công sức trồng cây ăn trái: yêu cầu chia 17.400.000 đồng, rút yêu cầu chia 82.600.000 đồng.

- Về nợ chung: không có.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị A trình bày:

Mảnh đất thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 01, diện tích 2643.2m^2, hiện do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cây trái trên đất như: chôm chôm, dừa, dâu, măng cụt, bưởi đều do bà trồng. Sau khi con bà là Huỳnh Minh H lập gia đình, vì là con út nên sống chung với bà và bà cho phép vợ chồng ông H, bà D chăm sóc và hưởng hoa lợi từ phần đất, bà không có cho số đất trên. Việc yêu cầu chia công sức mà bà D trồng trọt, chăm sóc, tôn tạo thửa vườn với số tiền 100.000.000 đồng là hoàn toàn vô lý, bà không chia ở khoản này.

Về phần nhà cửa: bà xây dựng hoàn thành năm 1997, tô bức tường nhà sau và đóng cửa sổ năm 2003. Sau đó mở rộng xây thêm 01 phòng ngủ và một phòng ăn phía sau, do bà đầu tư xây dựng. Vì vậy, căn nhà là tài sản của bà, bà không đồng ý theo yêu cầu của bà D chia công sức là 50.000.000 đồng.

Về cây ca cao, cây mai vàng bà D trồng, bỏ không chăm sóc nên hư hại hết, không thu hoạch được, bà không có trách nhiệm.

Do hòa giải không thành Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã đưa vụ án ra xét xử, tại bản án số 18/2017/HNGĐST ngày 18/4/2017 của Toà án nhân dân thành phố Bến Tre đã tuyên:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 59, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự; pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: ông Huỳnh Minh H và bà Nguyễn Thị Xuân D được ly hôn.

Về quan hệ con chung: có hai con chung là cháu Huỳnh Thị Thảo N, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2001 và cháu Huỳnh Minh Đ, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2010. Bà D được tiếp tục nuôi hai con chung cháu Huỳnh Thị Thảo N, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2001 và cháu Huỳnh Minh Đ, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2010. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung, cấp dưỡng mỗi đứa con với số tiền 605.000 đồng trên một tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không được trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên,Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: ông Huỳnh Minh H được nhận chiếc xe Future neo, biển kiểm soát 71B1-363.96 hiện ông H đang quản lý, sử dụng và bà Nguyễn Thị Xuân D được nhận giá trị chiếc xe với số tiền 5.000.000 đồng, ông H có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền trên.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu được chia chiếc xe gắn máy với số tiền 2.500.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu sữa chữa căn nhà với số tiền 50.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Xuân D.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia công sức trồng mai với số tiền 50.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Xuân D.

Đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu chia công sức cây ăn trái với số tiền 82.600.000 đồng của bà Nguyễn Thị Xuân D.

Buộc ông Huỳnh Minh H phải trả công sức đóng góp đối với cây ăn trái trồng trên thửa 38, tờ bản đồ số 01, diện tích 2643.2m^2 tọa lạc tại ấp Phú Mỹ, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre cho bà D với số tiền 17.400.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24 tháng 4 năm 2017 ông Huỳnh Minh H có đơn kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo và trình bày tại phiên tòa phúc thẩm ông H trình bày: ông không đồng ý nội dung bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 18/2017/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Cụ thể: Ông không đồng ý hỗ trợ công sức đóng góp cho bà D với số tiền 17.400.000 đồng, với lý do số cây trồng trên đất là do bà Ngô Thị A trồng, ông và bà D cùng chăm sóc thu hoạch. Hiện nay một số cây đã chết, số còn lại ông đã trả cho bà A. Số cây trồng trên đất có nhiều cây 01 năm

tuổi, do bà A trồng năm 2016. Bà D đã đi khỏi đất từ tháng 3 năm 2015 nhưng Tòa án vẫn chia công sức đóng góp là không đúng. Ngoài ra, ông không đồng ý chịu chi phí định giá tài sản với số tiền 800.000 đồng, với lý do tài sản mà Tòa án định giá không phải là tài sản chung của ông và bà D. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre sửa bản án sơ thẩm theo hướng nêu trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân D không đồng ý với kháng cáo của ông H. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: yêu cầu kháng cáo của ông H là không phù hợp, về thực tế theo bản tự khai của bà A thì bà khẳng định bà cho phép vợ chồng ông H chăm sóc và hưởng hoa lợi trên phần đất này và theo đơn kháng cáo của ông H cũng khẳng định ông và bà D là người trực tiếp chăm sóc và thu hoạch đất. Đất này là đất cấp cho hộ bà Ngô Thị A, khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đổi vào năm 2012 thì bà D đã về làm dâu nhà ông H. Nên yêu cầu công sức của bà D là phù hợp. Ông H không đồng ý bồi hoàn công sức là không đúng vì công sức còn bao gồm duy trì chăm sóc để hưởng hoa lợi. Theo khoản 29 điều 3 Luật Đất đai thì hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống nên bà D có tư cách yêu cầu công sức bỏ ra trên đất này. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của ông H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị A trình bày: bà đồng ý với bản án sơ thẩm và không có kháng cáo.

Quan điểm của kiểm sát viên: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh Minh H, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DSST ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo hướng ông H không phải chịu chi phí định giá. Các phần khác y án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của ông H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bản án sơ thẩm đã tuyên xử về quan hệ hôn nhân, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Huỳnh Minh H và bà Nguyễn Thị Xuân D, con chung bà D được tiếp tục nuôi hai cháu Huỳnh Thị Thảo N và Huỳnh Minh Đ, phần cấp dưỡng nuôi con, những phần này các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2] Đối với kháng cáo của ông H không đồng ý hỗ trợ công sức đóng góp cho bà Nguyễn Thị Xuân D với số tiền 17.400.000 đồng với lý do số cây trồng trên thửa đất số 38, tờ bản đồ số 01, diện tích 2643.2m^2 do mẹ ông là bà Ngô Thị

A trồng, cho ông và bà D chăm sóc, thu hoạch. Trong quá trình sử dụng do thiếu chăm sóc nên một số cây đã chết, số còn lại ông đã trả cho mẹ ông. Theo biên bản định giá có nhiều cây 01 năm tuổi do mẹ ông trồng năm 2016. Trong khi bà D đi từ tháng 3 năm 2015 nhưng cấp sơ thẩm vẫn xét công sức đóng góp của bà là không đúng. Đồng thời ông H kháng cáo không đồng ý hoàn số tiền chi phí định giá tài sản là 800.000 đồng cho bà D, vì ông cho rằng tài sản mà Tòa án định giá không phải là tài sản chung của ông và bà D. Thấy rằng, tại phiên tòa phúc thẩm bà D trình bày các cây trồng theo biên bản định giá ngày 03 tháng 01 năm 2017 không phải do bà trồng. Đối với những cây do bà trồng thì sau khi bà về nhà mẹ ruột sống thì các cây này đã chết. Tuy nhiên, bà vẫn yêu cầu công sức vì bà đã có công chăm sóc. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H cho rằng vợ chồng ông chỉ được mẹ ông cho hưởng hoa lợi, ông và bà D hoàn toàn không có bỏ công sức cũng như không có canh tác đất. Sau khi ly hôn thì ông đã trả lại phần đất này lại cho mẹ ruột là bà A. Như vậy, có căn cứ cho rằng toàn bộ cây trồng trên thửa đất 38, tờ bản đồ số 01 diện tích 2643.2m^2 theo biên bản định giá ngày 03 tháng 01 năm 2017 là của bà A trồng. Bà D cũng không có công sức trong việc chăm sóc các cây trồng trên thửa đất nêu trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H trả công sức đóng góp cho bà D với số tiền 17.400.000 đồng là không có căn cứ, phần kháng cáo này của ông H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Đối với kháng cáo của ông H không đồng ý hoàn trả chi phí định giá tài sản với số tiền 800.000 đồng cho bà D, với lý do tài sản mà Tòa án định giá không phải là tài sản chung của ông và bà D. Theo khoản 1 Điều 42 Pháp lệnh Chi phí Giám định Định giá số 02/2012/UBTVQH13 ngày 28 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: "Người yêu cầu định giá tài sản phải nộp chi phí định giá nếu kết quả định giá chứng minh yêu cầu định giá của người đó là không có căn cứ". Bà D yêu cầu chia công sức đóng góp trên thửa đất 38, tờ bản đồ số 01 là không có căn cứ chấp nhận, do đó bà D phải chịu chi phí định giá tài sản.

[4] Kháng cáo của ông H là có cơ sở nên được chấp nhận toàn bộ. Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Huỳnh Minh H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Minh H.

Sửa bản án sơ thẩm số 18/2017/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Huỳnh Minh H và bà Nguyễn Thị Xuân D được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: có hai con chung là cháu Huỳnh Thị Thảo N, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2001 và cháu Huỳnh Minh Đ, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2010. Bà D được tiếp tục nuôi hai con chung cháu Huỳnh Thị Thảo N, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2001 và cháu Huỳnh Minh Đ, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2010. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung, cấp dưỡng mỗi đứa con với số tiền 605.000 đồng trên một tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không được trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên,Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung: ông Huỳnh Minh H được nhận chiếc xe Future neo, biển kiểm soát 71B1-363.96 hiện ông H đang quản lý, sử dụng và bà Nguyễn Thị Xuân D được nhận giá trị chiếc xe với số tiền 5.000.000 đồng, ông H có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền trên.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu được chia chiếc xe gắn máy với số tiền 2.500.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu sữa chữa căn nhà với số tiền 50.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Xuân D.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia công sức trồng mai với số tiền 50.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Xuân D.

Đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu chia công sức cây ăn trái với số tiền 82.600.000 đồng của bà Nguyễn Thị Xuân D.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân D, yêu cầu ông Huỳnh Minh H phải trả công sức đóng góp đối với cây ăn trái trồng trên thửa 38, tờ bản đồ số 01, diện tích 2643.2m^2 tọa lạc tại ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre cho bà D với số tiền 17.400.000 đồng.

4. Về quan hệ nợ chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, ông Huỳnh Minh H phải chịu 200.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012065 ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng ông Huỳnh Minh H phải chịu 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Huỳnh Minh H phải chịu 250.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị Xuân D phải chịu 250.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.187.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012415 ngày 20 tháng 7

năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà D số tiền 4.937.500 đồng (bốn triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

6. Chi phí định giá: Bà Nguyễn Thị Xuân D phải chịu chi phí định giá và đã quyết toán xong. Ông Huỳnh Minh H không phải chịu chi phí định giá.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Huỳnh Minh H không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010779 ngày 25 tháng 4 năm 2017.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong khoản tiền thì còn phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre(1b);
- TAND thành phố Bến Tre(1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp(3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hương